

SỔ TÍNH ĂN

Ngày 25 tháng 2 năm 2026

I. Tiêu chuẩn được chi

ST T	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo/xuất (kg)	Tổng số (kg)	Tiền/xuất (đ)	Tổng số (đ)	
1	Cơm mẫu giáo	177	0,085	15	18,051	3.195.000	
2	Cơm nhà trẻ	61	0,079	4,8	18,190	1.109.600	
	Cộng	238		19,8		4.304.600	

II. Thức ăn trong ngày

ST T	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá	Mẫu giáo				Nhà trẻ				Tổng cộng	
				Bữa chính		Bữa phụ		Bữa chính		Bữa phụ		SL	TT
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT		
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	20.000		-	1,5	30.000		-		-	1,5	30.000
2	Cà chua	Kg	36.000		-			0,3	10.800		-	0	10.800
3	Cà rốt (củ dờ, vàng)	Kg	22.000	2	44.000			0,5	11.000		-	2,5	55.000
4	Cải ngọt	Kg	22.000	6	132.000			1	22.000		-	7,0	154.000
5	Củ cải trắng	Kg	18.000		-			0,4	7.200		-	0,4	7.200
6	Đậu cove	Kg	30.000	1,8	54.000			0,8	24.000		-	2,6	78.000
7	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50.000		-	1,5	75.000		-		-	1,5	75.000
8	Gạo nếp	Kg	32.000		-	1,5	48.000		-		-	1,5	48.000
9	Hành lá	Kg	42.000	0,4	16.800			0,1	4.200		-	0,5	21.000
10	Khoai tây	Kg	20.000		-			0,4	8.000		-	0,4	8.000
11	Su su	Kg	20.000	2	40.000			0,5	10.000		-	2,5	50.000
12	Thanh long	Kg	37.000	9	333.000			2	74.000		-	11,0	407.000
13	Thịt bò	Kg	250.000	1,1	275.000			0,3	75.000		-	1,4	350.000
14	Thịt gà ta lai (bò chân, cổ)	Kg	135.000		-	3	405.000		-		-	3,0	405.000
15	Thịt lợn nạc vai	Kg	154.000	0,4	61.600			0,2	30.800		-	0,6	92.400
16	Thịt lợn sườn mỡ	Kg	144.000	0,7	100.800			0,3	43.200		-	1,0	144.000
17	thịt vịt (bò chân, cổ, cánh)	Kg	105.000		-			2,5	262.500		-	2,5	262.500
18	Tỏi	Kg	46.000	0,1	4.600			0,1	4.600		-	0,2	9.200
19	Trứng gà	Quả	4.000	182	728.000			81	324.000		-	263,0	1.052.000

20	Nước mắm nam ngư độ nhj	Lít	30.000	0,2	6.000	0,11	3.300	0,1	3.000	-	0,4	12.300
21	Dầu ăn Neptune 5L	Lít	64.000	0,6	38.400	0,2	12.800	0,3	19.200	-	1,1	70.400
22	Bột canh hải châu	Kg	25.000	0,2	5.000	0,18	4.500	0,1	2.500	-	0,5	12.000
23	Muối hạt	Kg	12.000	0,1	1.200		-	0,1	1.200	-	0,2	2.400
24	gạo tẻ bắc thơm	Kg	21.000	13,5	283.500	1,5	31.500	4,8	100.800	-	19,8	415.800
25	Sữa Nuvi Grow School	Kg	260.000		-	3,1	806.000		-	0,7	182.000	988.000
					2.123.900		1.416.100		1.038.000		182.000	4.760.000

III. Phần quyết toán trong ngày

- Hôm trước chuyển sang: 0đ
- Tiêu chuẩn trong ngày: 4.760.000 đ
- Được chi trong ngày: 4.760.000 đ
- Đã chi trong ngày: 4.760.000 đ
- Số tiền chi vượt: 0đ

Kế toán

tham

Bạch Thị Thắm



Phó hiệu trưởng

*Nguyễn Thị Yến Nhi